



KIẾN TRÚC ĐÌNH LÀNG Ở HÀ NỘI – HUẾ – SÀI GÒN: NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG VÀ DỊ BIỆT

Phạm Đăng Nhật Thái

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Huế, Việt Nam

Tóm tắt. Kiến trúc đình làng là minh chứng cho sự tồn tại trong nhiều thế kỷ của loại công trình cộng đồng của làng xã Việt Nam. Cùng biến đổi theo dòng sinh mệnh của dân tộc, đình làng ở ba đô thị Hà Nội – Huế – Sài Gòn (T.P. Hồ Chí Minh) cũng có nhiều sự chuyển tiếp, phát triển trong tiến trình của lịch sử. Bài viết này nghiên cứu về kiến trúc đình làng ở ba đô thị cho thấy những đặc điểm tương đồng và dị biệt, góp phần tạo nên sự đa dạng cho bản sắc kiến trúc của đình làng Việt. Những tương đồng trong việc chọn đất xây dựng đình làng để thuận theo yếu tố phong thủy, tổng thể được bố trí theo dạng kiểu chữ tượng hình và quy mô kiến trúc số gian, số chái, với hệ thống rường, cột, bộ vì kèo gỗ của ngôi đình. Ngoài ra, những khác biệt trong cách bố trí mặt bằng, các đơn nguyên kiến trúc, hình thức của mái, kết cấu bộ khung, nghệ thuật, trang trí...; điều đó đã tạo nên sự đa dạng, đặc trưng riêng trong kiến trúc đình làng ở ba đô thị này.

Từ khóa: kiến trúc đình làng, Hà Nội – Huế – Sài Gòn, tương đồng, dị biệt

1. Đặt vấn đề

Đình làng là một công trình văn hóa truyền thống của dân tộc Việt. Xét về mặt lịch sử thì có thể nói đình làng⁽¹⁾ là một loại kiến trúc quan trọng, là trung tâm của làng, là hồn cốt, tinh hoa, sức mạnh, sự lan tỏa của làng xã thời bấy giờ. Đình làng được coi là công trình tiêu biểu của làng xã Việt Nam, nơi mà ba chức năng chính được thực hiện, đó là: văn hóa, tôn giáo và hành chính.

Sự chuyển tiếp, phát triển của công trình đình làng trong tiến trình lịch sử, theo chiều dài của đất nước và cùng biến đổi theo dòng sinh mệnh dân tộc. Hà Nội – vùng đất văn hiến – là nơi bắt nguồn văn hóa dân tộc, là Kinh đô của đất nước Đại Cổ Việt (1010). Huế, kể từ khi Đoàn Quốc công Nguyễn Hoàng vào Đàng Trong (1558), là cả một quá trình cam go và biến đổi không ngừng trên nhiều phương diện. Mãi đến năm 1802, Phú Xuân – Huế – trở thành Kinh đô

¹ Trong phạm vi bài viết này, tác giả viết hoa tên gọi “Đình làng” và các thành phần kiến trúc.

của một quốc gia thống nhất trên toàn lãnh thổ của đất nước Việt Nam đến năm 1945. Sài Gòn², cuối thế kỷ XVII, giữa không gian địa lý – lịch sử – văn hóa Nam bộ, là sự giao thoa của nhiều lớp văn hóa lịch sử từ tiền sử, cư dân Nam đảo, Khmer, Chăm, Hoa..., kết hợp với những người Việt lưu dân từ miền Trung và miền Bắc đi khai hoang lập nghiệp trên vùng đất mới. Ngày nay, đình làng ở ba đô thị Hà Nội – Huế – Sài Gòn là những đại diện tiêu biểu nhất kết tụ văn hóa, lan tỏa và hình thành hệ thống đình làng Việt nói chung.

Tuy nhiên, trong quá trình chuyển tiếp và biến đổi của lịch sử, đình làng cũng có phần giống và khác nhau về các thiết chế, văn hóa, tín ngưỡng ở mỗi vùng, miền và khu vực. Về khía cạnh kiến trúc, nghiên cứu này dựa vào việc khảo sát thực địa và đo vẽ kiến trúc của 32/140 ngôi đình ở tỉnh Thừa Thiên Huế [1, Tr. 5, 6] mà chúng tôi đã chọn lọc trong ba năm qua (2014–2017) cùng với các nguồn tài liệu sẵn có về đình Việt Nam, kiến trúc đình làng Việt qua tư liệu viện bảo tồn di tích, đình làng Việt vùng Châu thổ bắc bộ, đình ở thành phố Hồ Chí Minh... Sự phân tích, tổng hợp về các yếu tố: phong thủy, tổng thể ngôi đình, quy mô kiến trúc, cách bố trí mặt bằng, các đơn nguyên, hình thức của mái, kết cấu bộ khung và nghệ thuật, trang trí... đã cho thấy sự đa dạng, phong phú với nhiều đặc điểm tương đồng và dị biệt nhất định trong kiến trúc đình làng ở ba đô thị Hà Nội – Huế – Sài Gòn.

2. Những tương đồng và dị biệt trong kiến trúc đình làng ở Hà Nội – Huế – Sài Gòn

2.1. Sự hình thành và phát triển đình làng ở Hà Nội – Huế – Sài Gòn

Hà Nội – Huế – Sài Gòn là ba thành phố lớn và lâu đời, ba đô thị đã hình thành trong quá trình lịch sử của đất nước Việt Nam. Dẫu mỗi một đô thị, thành phố Hà Nội – Huế – Sài Gòn có lịch sử hình thành, phát triển khác nhau, có những sắc thái riêng nhưng bao trùm lên tất cả đó vẫn là bản sắc văn hóa dân tộc thống nhất trong sự hướng tâm vào dân tộc Việt Nam.

2.1.1. Đình làng ở Hà Nội

Năm 968, vùng đất Hoa Lư (Ninh Bình) trở thành Kinh đô đầu tiên của nước Đại Cồ Việt. Đến năm 1010, vua Lý Thái Tổ đã cho dời Kinh đô về Thăng Long – Hà Nội – và năm 1054, vua Lý Thánh Tông đổi quốc hiệu thành Đại Việt. Những tầng văn hóa khảo cổ, di tích kiến trúc và nghệ thuật phản ánh một chuỗi lịch sử nối tiếp nhau liên tục của các vương triều cai trị đất nước qua các thời Đinh – tiền Lê – Lý – Trần – hậu Lê. Cùng với đó, ngay tại Hà Nội, loại công trình kiến trúc cộng đồng là đình làng cũng dần được định hình và một số ngôi đình lớn đã

² Sài Gòn là tên gọi cũ trước đây. Vào ngày 02/7/1976, Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất quyết định đổi tên Sài Gòn – Gia Định thành Thành phố Hồ Chí Minh.

xuất hiện với tư cách là một kiến trúc cộng đồng của làng xã: Đình Thụy Phiêu ở huyện Ba Vì đã từng được tu sửa vào năm 1531, Đình Tây Đằng (thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì), Thanh Lũng (huyện Ba Vì) là những ngôi đình nổi tiếng [2, Tr. 6] và là những tác phẩm nghệ thuật hoàn chỉnh nhất dành cho việc thờ thần Thành hoàng làng và sinh hoạt cộng đồng của làng xã vào thế kỷ XVI–XVII. Thậm chí, có một số di chỉ, bi ký ở Đình Thanh Hà, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, cho biết đình được dựng vào thời Lê sơ đầu thế kỷ XV.

Sang thế kỷ XVIII, thời Lê – Mạc, việc xây dựng đình làng giảm sút hẳn do hoàn cảnh xã hội dẫn đến hệ thống đình làng Hà Nội trong giai đoạn này cũng không mấy phát triển. Đến thế kỷ XIX, sau quá nhiều năm nội chiến, đến thời triều Nguyễn thống nhất đất nước, cũng tạo điều kiện cho các làng xã trên đất Bắc cũng như các làng ở Hà Nội ổn định trở lại, với việc trùng tu và dựng mới đình về sau. Tuy nhiên, suy cho cùng, giá trị kiến trúc nghệ thuật đình cao nhất của các đình ở Hà Nội vẫn là các ngôi đình được xây dựng từ thế kỷ XVI–XVII. Hiện tại, ở Hà Nội có 489 đình đã được Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định xếp hạng di tích quốc gia và một đình được xếp di tích quốc gia đặc biệt (Đình tây Đằng, thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội) [3, Tr. 380–395]. Tất cả các đình làng đều đã được xây dựng từ thế kỷ XV đến XVIII, trong đó thành phố Hà Nội có 206 đình và 282 ở tỉnh Hà Tây, nay thuộc thành phố Hà Nội.

2.1.2. Đình làng ở Huế

Trong khi đó, sau khi Đoàn Quốc công Nguyễn Hoàng vào trấn nhậm Thuận Hóa vào năm 1558, xứ sở này đã có nhiều giao thoa và biến đổi trên mọi bình diện, trong đó có các yếu tố kiến trúc thờ tự, nhất là sự biến đổi kiến trúc đình làng. Những lớp di dân từ miền Bắc theo con đường Nam tiến, qua nhiều thế kỷ, đã tỏa đi khắp muôn nơi ở xứ Đàng Trong để khai hoang, lập làng và đem tâm thức, truyền thống của cố hương xứ sở để hòa vào “dòng chảy” văn hóa bản địa, tạo nên những nét giao thoa khá độc đáo trong văn hóa và kiến trúc đình làng nơi đây.

Quá trình điền dã khảo sát về “*kiến trúc đình làng tỉnh Thừa Thiên Huế*” cùng với “*Nghiên cứu hệ thống văn bia đình Thừa Thiên Huế*” của Nguyễn Lâm Thắng [4] đã cho thấy các niên đại, thời gian xây dựng, trùng tu hay trong việc đặt nền móng xây dựng đình, việc chọn địa thế, ngày lành tháng tốt cũng như kiến trúc ngôi đình trên vùng đất Phú Xuân – Huế đã có từ giữa thế kỷ XV với vật liệu tranh, tre, nứa, lá. Hệ thống kiến trúc đình làng ở Huế là sự tiếp nối và gìn giữ qua các thời kỳ cho đến ngày nay, chính là “*nhờ vào các cuộc trùng tu, đại trùng tu, xây dựng và đều mang dấu ấn kiến trúc của triều Nguyễn thế kỷ XIX*” [5, Tr. 90]. Một số đình làng tiêu biểu đại diện cho đình làng ở Huế được xây dựng từ thế kỷ XV cho đến thế kỷ XVIII trong tổng số hơn 427 đình làng ở Huế đang có hiện nay mà chúng tôi đã liệt kê, tiêu biểu có: Đình làng

Dương Nỗ được xây dựng từ đời vua Lê Thánh Tông (1471), xã Phú Thượng, huyện Phú Vang; Đình làng An Truyền (thế kỷ XV), xã Phú An, huyện Phú Vang; Đình làng Thủ Lễ (cuối thế kỷ XVI), thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền; Đình làng Lại Thế (1741), xã Phú Thượng, huyện Phú Vang; Đình làng Văn Xá (thế kỷ XVII), phường Hương Văn, thị xã Hương Trà... Các đình làng này đã được cộng đồng làng xã đó dựng lên từ thời lập làng, về sau các đình làng ở Huế cũng đã được sự quan tâm, hỗ trợ, ban tặng sắc phong, bức hoành từ các Chúa và vua, quan triều Nguyễn thời ấy.

2.1.3. Đình làng ở Sài Gòn

So với Hà Nội và Huế, Sài Gòn thuộc vùng đất mới Nam bộ. Khoảng cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII, do chiến tranh giành ảnh hưởng của các tập đoàn phong kiến Trịnh – Nguyễn, đất nước ta bị chia cắt thành Đàng Trong và Đàng Ngoài. Một số người Việt ở Đàng Trong đã di cư vào Nam lập nghiệp và sau này có thêm người miền Bắc (nhưng đa số là người dân xứ Thuận Hóa – Quảng Nam). Do đó, văn hóa Thuận – Quảng được xem là những hạt giống đầu tiên được gieo trồng tại vùng đất Nam bộ này. Bên cạnh đó còn có cộng đồng người Nam đảo, Khmer, Hoa, Chăm...

Hình ảnh ngôi đình, ngôi chùa, góc miếu ở Sài Gòn của cộng đồng làng xã ngày trước chính là lòng tin ngưỡng cội nguồn đã nằm trong tâm trí của những người đi khai phá. Sang thế kỷ XVIII, tại khu vực Sài Gòn, nhiều thôn, ấp đã phát triển thành làng, xã. Cuộc sống của những người đi lập nghiệp ở vùng đất mới đã khấm khá và ổn định hơn. Những ký ức về văn hóa, phong tục, tập quán từ miền đất cũ đã thôi thúc những người Việt đi tụ cư tiến hành dựng ngôi đình, xây chùa, miếu để tôn thờ và nhớ về nguồn cội. Những ngôi đình thần³ (đình làng) đầu tiên ở Sài Gòn – Gia Định và Nam Bộ hình thành vào thời gian cụ thể nào thì cho đến nay vẫn chưa có tài liệu nào ghi chép, nhưng cũng như các đình làng ở Huế, qua các hiện vật như bức hoành phi, bảng hiệu, bộ kết cấu khung gỗ còn lưu lại trong một số ngôi đình ở Sài Gòn đã thể hiện tương đối khách quan về niên đại xây dựng và cúng hiến hiện vật trong các đình làng. Như vậy, *“chúng ta có thể phỏng đoán rằng những ngôi đình ở Sài Gòn – Gia Định xưa đã được xây dựng muộn lắm là vào cuối thế kỷ XVIII. Điều này khá dễ chấp nhận được, bởi lưu dân người Việt chỉ mới đến khai phá vùng đất Sài Gòn – Gia Định xưa từ những năm đầu thế kỷ XVII”* [6, Tr. 13]. Tiêu biểu một số ngôi đình như: Đình Thông Tây Hội (1679) ở quận Gò Vấp, Đình An Phú Tây (1835) ở quận 8, Đình Tân Thông Hội (1845), xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi... được xây dựng từ cuối thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX trong tổng số hơn 300 ngôi đình hiện có của Sài Gòn.

³ Đình thần: Ở Sài Gòn và vùng Nam bộ, đình làng được gọi là Đình thần

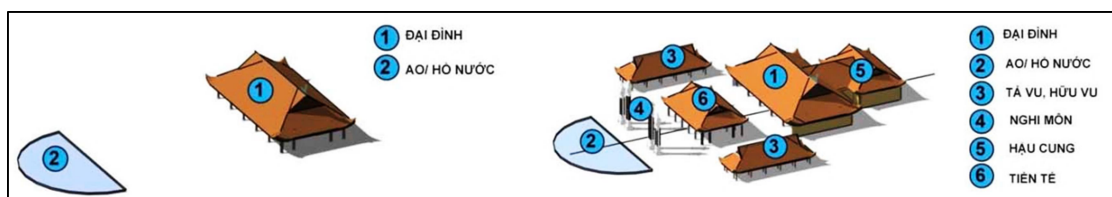
2.2. Những đặc điểm tương đồng và dị biệt của kiến trúc đình làng ở Hà Nội – Huế – Sài Gòn

2.2.1. Kiến trúc đình làng ở Hà Nội – Huế – Sài Gòn

a. Đặc điểm kiến trúc đình làng ở Hà Nội

Đầu tiên, đất dựng đình được chọn theo quan niệm “phong thủy” trong tín ngưỡng truyền thống. Ở vùng Bắc Bộ cũng như ở Hà Nội, vị trí của đình được lựa chọn cẩn thận với thế đất “tụ thủy”, trước mặt đình phải có nước. Vì vậy, nhiều vùng đất không có con sông phía trước hay những ao, hồ thì để tạo thế đất tốt, người ta phải đào ao hay giếng lớn trước mặt đình. Vì vậy, hình ảnh “*cây đa – giếng nước – sân đình*” luôn gắn kết trong đời sống mỗi làng xã ở Hà Nội và cả vùng Châu thổ Bắc Bộ.

Tổng thể kiến trúc đình làng ở Hà Nội được bố cục đối xứng qua trục chính chạy dài. Từ thời sơ khai, chỉ có tòa đại đình hình chữ nhật và hồ bán nguyệt, sau đó phát triển quy mô hơn, có nhiều thành phần hơn, gồm: đại đình, hậu cung, nhà tiên tế, nhà tả vu – hữu vu đối xứng hai bên, ngoài ra có thêm các nhà phụ trợ khác (Hình 1). Ngoài ra, phía trước còn có cổng hai trụ hoặc tam quan phía trước, sân đình, hồ nước, cây xanh... Diện mạo của một ngôi đình hoàn chỉnh ở Hà Nội xuất hiện từ thế kỷ XVI. Lấy kiến trúc Đình Thụy Phiêu, Đình Thanh Lũng, Đình Chu Quyến ở huyện Ba Vì và Đình Là ở huyện Thường Tín như các ví dụ điển hình cụ thể cho kiến trúc đình làng ở Hà Nội. Mặt bằng có dạng hình chữ nhật ngang, theo kiểu chữ nhất (一), nghĩa là chỉ có một khối nhà (tòa đại đình).



Hình 1. Mô hình đình ở Hà Nội dạng sơ khai (hình trái) và dạng quy mô đầy đủ (hình phải) [7]

Quy mô kiến trúc thường là ba gian hai chái, gồm bốn hàng cột theo chiều ngang: hai hàng cột cái lớn ở giữa và hai hàng cột quân ở trước và sau. Hình dáng các cột có dạng trụ tròn, được làm theo kiểu “thượng thu hạ thách”. Nền của đình được đắp cao hơn xung quanh và lát bằng đá (về sau được lát bằng gạch). Bên trong đình, tất cả các gian đều có sàn, trừ gian giữa; điều này cho thấy về mặt kiến trúc thì sàn của đình đã khiến cho bộ khung gỗ của đình trở nên vững chắc hơn (hiện nay Đình Tây Đằng không còn sàn nữa). Ngay vị trí gian giữa có một khám lửng (phần hậu cung) dùng để làm nơi thờ tự. Kết cấu đình làm bằng gỗ, chắc chắn, liên

kết bằng bộ vì theo lối giá chiêng (Hình 2). Ngoài ra, bộ mái của ngôi đình được tính từ bờ nóc, tức là gờ nổi của hai mái chính. Còn bờ dãi, tức là gờ nổi giữa hai mái chính và mái phụ và ít trang trí. Bờ dãi chạy từ nóc xuống các góc đình gọi là đao. Các góc đao của đình được uốn cong vút lên. Và đặc biệt là tỉ lệ của mái đình từ bờ nóc xuống hết phần mái là khoảng 2/3 so với chiều cao của đình. Ngoài ra, giá trị nghệ thuật nổi bật bởi “tính đồng hiện” trong chạm khắc nổi phù điêu, chạm lộng trên các cấu kiện, bộ vì của ngôi đình.

Sang các thế kỷ XVII–XIX, không gian bên trong các đình ở Hà Nội cũng như các đình ở vùng Châu thổ Bắc Bộ đã được mở rộng hơn. Nhiều ngôi đình có hậu cung dựng liền sau đại đình, làm cho mặt bằng có hình chuôi vồ dạng chữ đinh (丁), “ở nhiều đình, trước nhà tiên tế, còn có thêm hai ngôi nhà dọc đối diện nhau gọi là tả vu và hữu vu để soạn sửa cỗ bàn” [3. Tr. 30]. Mặt bằng đình làng ở Hà Nội được phát triển hơn và theo các kiểu chữ nhất (一), nhị (二), tam (三), đình (丁), công (工). Điển hình có: Đình Tây Đằng (có thêm 2 nhà tả – hữu vu); Đình Hạ Hiệp, Đình Kim Liên, Đình Triều Khúc, Đình Cự Chính (hình chữ đinh); Đình Thị Cấm, Đình Quảng Bá (hình chữ nhị); Đình Thanh Hà (hình chữ công)...



Hình 2. Kết cấu khung gỗ của Đình Tây Đằng, Thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, Hà Nội [8]

b. Đặc điểm kiến trúc đình làng ở Huế

Cũng như đình làng ở Hà Nội, yếu tố “phong thủy” ở đình làng Huế cũng được đặt lên hàng đầu trong việc chọn đất, chọn hướng, ngày, giờ để xây dựng hay khôi phục, trùng tu đình làng. Vị trí vùng đất được định hình xây dựng đình làng phải có yếu tố mặt nước ở phía trước hay cánh đồng ruộng mênh mông của làng, nhánh sông tự nhiên hoặc sông đào, ao, xây hồ có dạng hình bán nguyệt, hình chữ nhật.

Về mặt bằng kiến trúc tổng thể của ngôi đình ở Huế, toàn bộ được bố trí theo một trục dọc từ ngoài vào là sông, ao, hồ... hợp với phong thủy. Tiếp theo là cổng bốn trụ biểu, bình phong, sân đình và ngôi đình. Ngoài ra, có một số đình ở hai bên tả và hữu có các am thờ, ngài khai canh, ngài khai khẩn. Đình làng ở Huế ra đời muộn hơn so với các đình ở Hà Nội, vào

khoảng giữa hoặc cuối thế kỷ XVI. Lúc ban đầu, đình làng mới được dựng lên với vật liệu tranh, tre, nứa, lá đơn giản. Trải qua nhiều biến động của nội chiến, thiên tai và hỏa hoạn, đình làng ở Huế mới bắt đầu được lợp ngói và có kết cấu gỗ vào khoảng giữa thế kỷ XVIII. Hầu như kiểu mặt bằng của đình làng ở Huế khá đơn giản và nghiêm túc hơn so với đình làng ở Hà Nội. Kiến trúc chủ yếu chỉ một khối nhà theo kiểu chữ nhất (一), một ít đình theo kiểu chữ đinh (T) hoặc hai nếp nhà song song sát nhau theo kiểu “trùng thềm điệp ốc” gồm nhà tiền đình và chính đình.

Quy mô kiến trúc của đình làng ở Huế thường là ba gian hao chái đơn hoặc ba gian hai chái kép. Riêng đình làng Thủ Lễ (Hình 3) có cấu trúc năm gian hai chái đơn; năm gian là quy mô số gian lớn nhất trong kiến trúc đình làng ở Huế [1, Tr. 103]. Không gian của đình làng ở Huế hầu như là không gian mở. Ở trước, người ta để giá lan can để giới hạn bên trong và bên ngoài ngôi đình. Phần sau của ngôi đình còn gọi là hậu tẩm (ở Hà Nội và miền Bắc gọi là khám thờ), các gian thờ, tú thờ được khép kín lại với hệ thống cửa gỗ vì nơi đó là người ta thờ các vị thần và Thành hoàng của làng. Bộ kết cấu khung gỗ của đình làng Huế thon thả theo kiểu nhà rường. Vài kèo là hệ kết cấu gỗ đặc trưng nhất trong đình làng ở Huế. Hệ vài kèo gồm kèo 1, kèo 2, kèo 3 và kèo hiên. Ngoài ra, các cấu kiện kiến trúc “cột, kèo, xuyên, trên”, bốn yếu tố này đã tạo nên sự đặc trưng nhất trong hệ kết cấu gỗ của đình làng ở Huế (Hình 4) cũng như trong hệ kiến trúc nhà rường dân gian truyền thống của Huế. Về kiến trúc của mái đình làng ở Huế, các góc mái không lượn cong cao vút như mái của đình làng Hà Nội, mái đình ngang, thẳng, có lượn nhẹ ở đuôi và nhờ hệ cột của đình thanh mảnh làm cho kiến trúc mặt đứng ngôi đình hài hòa và dân dã. Do ảnh hưởng lối kiến trúc cung đình, nên mái đình làng Huế hầu hết được trang trí với các hình tượng tứ linh: long – lân – quy – phụng, được trang trí, chạm khắc và được dán các mảnh gốm, sành, sứ... tạo nên nét đặc trưng trong kiến trúc đình làng ở Huế.



Hình 3. Đình làng Thủ Lễ, thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

[Nguồn ảnh: tác giả, năm 2019]



Hình 4. Kết cấu khung gỗ của Đình làng Xuân Hòa, thành phố Huế

[Nguồn ảnh: tác giả, năm 2019]

Đình làng ở Huế là sự tiếp nối, lưu truyền qua các thời kỳ, trải qua nhiều lần trùng tu và xây dựng lại của cha ông từ ngày xưa. Hình ảnh, đặc điểm kiến trúc của đình làng ở Huế ngày hôm nay, chính là hệ thống rường cột truyền thống trong dân gian, qua các cuộc trùng tu, đại trùng tu, xây dựng lại và đều mang dấu ấn kiến trúc của triều Nguyễn thế kỷ XIX.

c. Đặc điểm kiến trúc đình làng ở Sài Gòn

Như hầu hết các ngôi đình được xây dựng ở miền Bắc và miền Trung, ở Hà Nội và Huế, việc chọn lựa nơi để xây dựng ngôi đình ở Sài Gòn (thành phố Hồ Chí Minh) cũng được xem xét cẩn thận, sao cho có một vị trí và không gian vừa đẹp, lại vừa hợp với chức năng của một ngôi đình. Vị trí của đình được dựng lên cũng được lựa chọn và dựa vào thuật phong thủy, nghĩa là phải tìm kiếm những mảnh đất được xem là đắc địa, hội tụ tất cả những điều may mắn như “tiên án hậu chẩm”, “son triều thủy tụ”... Vì vậy, đình làng ở Sài Gòn buổi đầu thường được đặt ở điểm cao ráo, nơi gần sông rạch, nơi thuận tiện cho ghe thuyền đậu bến, đặc biệt nhất là ở vị trí những ngã ba, ngã tư sông.

So với kiến trúc đình ở Hà Nội – Huế thì đình ở Sài Gòn, miền Nam lại có những đặc điểm riêng biệt. Từ thế kỷ XVII, các lưu dân phần lớn là từ miền Trung vào lập nghiệp ổn định trên vùng đất Sài Gòn – Gia Định. Họ đã chung sống với các dân tộc khác như: Nam đảo, Khmer, Hoa, Chăm... trong điều kiện vô cùng khắc nghiệt cùng với nhiều nguồn văn hóa, tín ngưỡng, kiến trúc khác nhau. Cho nên rất khó để nhận dạng được kiến trúc ngôi đình ban đầu ở Sài Gòn vào thời ấy. Tuy nhiên, vào thế kỷ XIX, “phần lớn các ngôi đình ở Nam Bộ đều mang dấu ấn kiến trúc nhà Nguyễn do có phong trào xây dựng và trùng tu mạnh mẽ, mà đình cao là giai đoạn thời

Minh Mạng – Thiệu Trị” [6, Tr. 38]. Cho nên, đình làng ở Sài Gòn cũng nằm trong điều kiện đó nên mặt bằng tổng thể của hầu hết các ngôi đình cũng có những đặc điểm thống nhất.

Tổng thể của đình ở Sài Gòn bao gồm nhiều đơn nguyên lớn và nhỏ, được bố cục theo một trục chủ đạo rõ rệt, xuyên suốt từ cổng đến điện thờ. Các đơn nguyên kiến trúc được xếp đối xứng với nhau và có trình tự từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao. Bước qua cổng, vào trong khuôn viên ngôi đình là tấm bình phong, được đắp vẽ trang trí hình dáng con hổ, gọi là bia ông hổ. Cũng có khi một mặt bình phong có hình hổ, mặt kia là hình rồng. Ở hai bên thường có hai hay bốn ngôi miếu nhỏ được xây đối diện nhau, đó là “*miếu thờ Bạch Hổ (Hổ trắng) và miếu thờ Ngũ Hành nương nương (cũng có nơi thờ Nhị vị Công tử)*” [3, Tr. 33]. Qua bình phong là nhà võ ca. Nhà võ ca là một kiến trúc đặc biệt riêng có, chỉ tồn tại ở các đình làng Sài Gòn cũng như đình Nam bộ. Đây là nơi tập kết người và nghi trượng phục vụ cúng tế, đồng thời là nơi diễn tuồng vào các dịp lễ của đình. Tiếp đến là tiền điện – một nếp nhà hẹp nối liền với nhà võ ca, gọi là nhà châu hay nhà võ quy (ngôi nhà này dành riêng cho người cầm châu khi có diễn xướng, tuồng hội hè), điển hình có ở Đình Thông Tây Hội ở phường 11, quận Gò Vấp... và sau đó là chánh điện (chánh tẩm), đây là khu vực chính của đình, nơi thờ cúng. Ngoài ra, có một số đình được xây thêm khuôn viên đình hay nhiều công trình phụ khác nhau như: nhà tiền vãng, nhà túc, nhà trù (nhà bếp), nhà cối (nhà kho), nhà đông lang và tây lang.

Quy mô kiến trúc của đình làng ở Sài Gòn có nhiều thay đổi và có nhiều hình dạng phong phú và phức tạp hơn so với đình làng ở Hà Nội – Huế. Bởi lẽ, từ sự thay đổi hình dạng bố cục của ngôi đình ở miền Bắc, theo dòng thời gian từ thế kỷ XVI có mặt bằng dạng chữ nhất (一), sang thế kỷ XVII hình thành gian thờ dạng chuôi vồ theo kiểu chữ đinh (丁). Đến thế kỷ XVIII, mặt bằng đình lại có thêm chữ nhị (二), tam (三), công (工). Đến thế kỷ XIX, một số ngôi đình hình thành bốn ngôi nhà nối vuông góc nhau thành chữ khẩu (口). Theo đó, quy mô kiến trúc mặt bằng đình làng ở Sài Gòn cũng có nhiều sự biến chuyển với nhiều hình dạng phong phú, phức tạp khác. Trong đó, đình có dạng chữ công (工) (xếp đội từ hai đến bốn ngôi nhà) có hay không có sân Thiên Tinh. Dạng nội công ngoại quốc (回) hai bên có dãy nhà song hành kèm theo (có khi áp sát) chạy suốt từ tiền đình cho đến chính đình (Đình Tân Thời Nhì, quận Hóc Môn). Ngoài ra, có ngôi đình dạng chữ L (Đình Bình Đông, quận 8; Đình Linh Đông, quận Thủ Đức) và dạng kiểu chữ môn (門) (Đình Nam Chơn, Đình Sơn Trà, quận 1) (Hình 5).

Như vậy, kiến trúc đình làng ở Hà Nội – Huế – Sài Gòn bao hàm những giá trị đặc trưng cho loại công trình của các cộng đồng làng Việt nói chung. Trong đó, các đình làng ở Hà Nội phát triển rực rỡ nhất và mang phong cách kiến trúc đình làng của thế kỷ XVI-XVII của thời Lê – Mạc. Đình làng ở Huế đã được định hình lại phong cách, đã trải qua nhiều lần trùng tu, xây dựng lại với dấu ấn kiến trúc nhà Nguyễn thế kỷ XIX. Còn đình làng ở Sài Gòn được dựng lên

từ thế kỷ XVII–XVIII bởi chủ yếu là những người lưu dân từ xứ Thuận – Quảng di cư vào và được trùng tu mạnh mẽ, xây dựng phát triển vào thời vua Minh Mạng – Thiệu Trị của nhà Nguyễn. Vì thế, đình làng ở Hà Nội – Huế – Sài Gòn biểu hiện nhiều đặc điểm tương đồng và cũng không ít tính dị biệt.



Hình 5. Đình Nam Chơn (dạng kiểu chữ Môn), Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh [3]

2.2.2. Những đặc điểm tương đồng của kiến trúc đình làng ở Hà Nội – Huế – Sài Gòn

Đình làng là ngôi nhà chung của cộng đồng, mỗi làng thường có một đình. Hình ảnh ngôi đình phản ánh đời sống, văn hóa, vật chất và tinh thần cũng như cấu trúc phân tầng trong làng xã đó. Ngày nay, đình làng ở Hà Nội – Huế – Sài Gòn tuy không còn mang đầy đủ các chức năng như trước, không còn là nơi hội họp và giải quyết công việc chung của cả làng xã nữa, nhưng các phong tục tập quán truyền thống của làng vẫn còn được giữ lại, được khôi phục, đặc biệt là các lễ, hội của làng vẫn diễn ra ở đình. Mặt khác, ở lĩnh vực không gian, khía cạnh kiến trúc của ngôi đình ở Hà Nội – Huế – Sài Gòn cũng có nhiều điểm tương đồng nhất định như:

a. Yếu tố phong thủy: Trong việc chọn đất, chọn hướng để xây dựng đình dựa trên phong thủy được quan tâm đầu tiên. Chọn vị trí để dựng đình thì thế đất phải “thủy tụ”, tức là có yếu tố nguồn nước hội tụ ở phía trước mặt đình, có thể là dòng sông, nhánh sông, ao hồ hay thậm chí người ta phải đào ao, hồ hay giếng lớn trước mặt đình.

b. Về tổng thể kiến trúc: Ở mỗi miền, khu vực đều biểu hiện rõ nét nhiều yếu tố: văn hóa, tín ngưỡng, khí hậu, kinh tế, kỹ thuật, vật liệu địa phương... và cả sự chuyển biến theo thời kỳ và không gian. Tuy nhiên, mặt bằng kiến trúc của đình làng ở Hà Nội – Huế – Sài Gòn đều được bố trí trên một tổng thể hài hòa với thiên nhiên và được định hình theo dạng thức kiểu chữ tượng hình (chữ Hán) trên mặt bằng tổng thể. Ngôi đình là chủ thể chính, có tính đối xứng và liên kết giữa các đơn nguyên kiến trúc theo một trục dọc từ ngoài vào trong.

c. Quy mô kiến trúc: Được xây dựng trệt (không có dạng tầng/ lầu). Kết cấu chủ yếu là khung chịu lực bằng gỗ. Yếu tố gian và chái quyết định độ rộng hay hẹp của không gian ngôi đình. Chiều cao của mặt đứng chính của kiến trúc ngôi đình là được nhấn mạnh ở hình dáng của bộ mái.

Cùng với đó, những tầng lớp thổ nhưỡng, các nền văn hóa mỗi miền, dân tộc khác nhau giữa tại Hà Nội – Huế – Sài Gòn đã làm cho diện mạo của ngôi đình ở ba nơi này cũng có nhiều thay đổi và mang những sắc thái riêng.

2.2.3. Những đặc điểm dị biệt của kiến trúc đình làng ở Hà Nội – Huế – Sài Gòn

Ngoài những đặc điểm tương đồng về mặt kiến trúc của đình làng, ba thành phố lớn và lâu đời Hà Nội – Huế – Sài Gòn còn có nhiều điểm khác biệt trong điều kiện tự nhiên, xã hội lẫn trong thiết chế văn hóa và tín ngưỡng... Mặt khác, loại công trình kiến trúc cộng đồng đình làng đã được định hình và xuất phát đầu tiên từ vùng Châu thổ sông Hồng ở miền Bắc – Hà Nội từ thế kỷ XV rồi đến miền Trung – Huế vào khoảng giữa, cuối thế kỷ XVI và rồi đình làng hình thành ở miền Nam – Sài Gòn từ cuối thế kỷ XVII kết hợp với văn hóa, lối sống của cộng đồng người Nam đảo, Khmer, Hoa, Chăm...; chính những điều này đã làm cho kiến trúc đình làng của ba đô thị có nhiều sự biến đổi, dị biệt cơ bản như sau:

a. Về bố trí mặt bằng: Kiến trúc mặt bằng ngôi đình ở Hà Nội là đa dạng với các kiểu chữ nhật (一), chữ nhị (二), chữ tam (三), chữ đinh (丁), chữ công (工). Trong khi đó, đình làng ở Huế đa số chỉ với kiểu chữ nhật (一), hoặc hai nếp nhà song song sát nhau theo kiểu “trùng thêm điệp ốc” và một ít đình làng được xây dựng theo kiểu chữ đinh (丁). Còn đình làng ở Sài Gòn lại có dạng chính hình chữ công (工) nhưng được xếp đội từ hai đến bốn ngôi nhà với dạng nhà tứ trụ. Ngoài ra, còn có dạng nội công ngoại quốc (回), dạng chữ (L) và dạng kiểu chữ môn (門).

b. Về đơn nguyên kiến trúc: đình làng của Sài Gòn có nhiều và đa dạng đơn nguyên kiến trúc hơn, gồm: nhà võ ca, nhà võ quy, chánh điện và nhà túc. Các đơn nguyên này được bố cục gần như trong khuôn kín theo một dạng hình chữ nhật, được tổ chức theo chiều sâu hơn là trải dọc theo chiều ngang của khu đất bởi lẽ đình ở Sài Gòn có mặt tiền hẹp, ít hoành tráng. Trong khi đó, đình ở Hà Nội chỉ có tòa đại đình hoành tráng, được nhấn mạnh theo chiều ngang khu đất và

có thêm nhà tả vu, hữu vu. Còn đình làng ở Huế hầu như chỉ có mỗi nhà chính đình hoặc rất ít và duy nhất thêm tả vu hoặc hữu vu.

c. Về hình thức mái: Các đình làng ở Hà Nội ghi đậm dấu ấn bởi bộ mái cao và rộng. Các góc mái cong lượn lên cao vút. Tỷ lệ bộ mái cao đến 2/3 so với tổng chiều cao mặt đứng chính của ngôi đình. Trong khi đó, bộ mái ở đình làng Huế và Sài Gòn nghiêm tốn hơn, tỷ lệ cao khoảng 1/2 đến 1/3 so với mặt đứng và với góc mái thẳng hoặc lượn nhẹ.

d. Về nghệ thuật và trang trí: Các cấu kiện gỗ bên trong của đình làng ở Hà Nội nổi trội hơn hẳn với nghệ thuật chạm khắc nổi, chạm lộng đậm nét trên các kết cấu, bộ vì của ngôi đình, còn các cấu kiện kiến trúc ở đình làng Huế và Sài Gòn chỉ sử dụng lối chạm chìm. Trong khi đó, các trang trí bên ngoài và trên mái của đình làng ở Huế và Sài Gòn sử dụng các hình tượng tứ linh: long – lân – quy – phụng của thời Nguyễn thế kỷ XIX, với lối chạm khắc trên xi măng và được dán các mảnh gốm, sành, sứ... tạo nên nhiều nét đặc trưng riêng biệt. Ngoài ra, đình làng ở Sài Gòn còn kết hợp thêm các nét văn hóa, trang trí mang phong cách kiến trúc của người Hoa và cả phong cách cửa có hình vòng cung của kiến trúc Pháp... đã tạo cho đình ở Sài Gòn có nhiều sắc thái hơn.

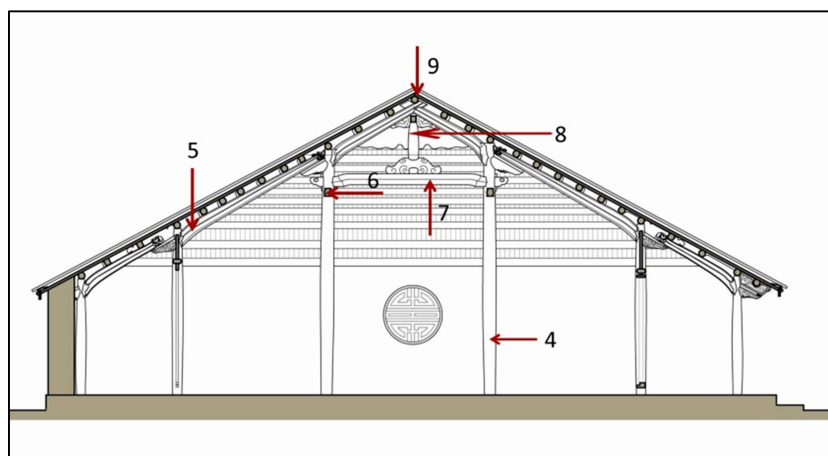
e. Về kết cấu bộ khung: Hệ thống các cột gỗ của các đình làng ở Hà Nội có đường kính lớn, từ 40 đến 80 cm khoảng (được ví “to như cái cột đình”). Trong khi đó, các cột gỗ của đình làng Huế và Sài Gòn là thanh và mảnh, chỉ từ 20 đến 40 cm. Ngoài ra, các tên gọi của một số kết cấu trên bộ khung gỗ của đình làng ở Hà Nội – Huế – Sài Gòn cũng khác nhau. Ví dụ như: vì kèo chống rường/ vì kèo/ vại kèo; xà thượng/ xuyên; câu đầu/ trên/ trính; trụ trốn/ trụ đội/ trính; thượng lương/ đòn dông/ đòn dông. (Bảng 1 và Hình 6)

Bảng 1. Một số thành phần và tên gọi của đình làng ở Hà Nội – Huế – Sài Gòn

Stt	Thành phần	Yếu tố	Hà Nội	Huế	Sài Gòn
1	Tổng thể	Phong thủy	Sông, ao, hồ, giếng nước	Sông, hồ, đường trước mặt	Sông, hồ, đường trước mặt
		Cổng	Tam quan	Trụ biểu	Nghi môn
		Sân	Nhà Tả vu và Hữu vu	Bình phong	Bình phong (bia Ông Hồ)
				Am, miếu thờ	Miếu thờ
		Công trình (đơn nguyên kiến trúc)	Đại đình	Ngôi đình	Nhà Võ ca Nhà Võ quy Chánh điện Nhà túc
		Kiểu mặt bằng (chữ)	(一), (二), (三), (丁), (工)	(一), (丁)	(工), (国), (L), (門)
		Kết cấu	3 gian 2 chái	3 gian 2 chái đơn hoặc kép	Nhà tứ trụ và 3 gian 2 chái

2	Quy mô	Bộ mái	Cao khoảng 2/3, góc mái cong cao vút	Cao khoảng 1/3 đến 1/2, góc mái thẳng, lượn nhẹ	Cao khoảng 1/3 đến 1/2, góc mái thẳng, lượn nhẹ
		Tường bao che	Không có tường bao (ngoại trừ khám thờ)	Tường ba phía (trước có rào chắn)	Tường bốn phía, (trước có cửa bản chân)
4	Bộ Khung gỗ	4. Cột	Lớn	Thon, mảnh	Thon, mảnh
		5. Kèo	Vì kèo chông rường	Vì kèo	Vài kèo
		6.	Xà thượng	Xuyên	Xuyên
		7.	Câu đầu	Trên	Trính
		8.	Trụ trốn	Trụ đội	Trống
		9.	Thượng lương	Đòn đông	Đòn đông

[Nguồn: tác giả, năm 2020]



Hình 6. Các thành phần cấu trúc bộ khung gỗ – Minh họa cho Stt 4 của bảng đối chiếu

[Nguồn ảnh: tác giả, năm 2020]

3. Kết luận

Công trình cộng đồng đình làng ở ba đô thị Hà Nội – Huế – Sài Gòn đã khắc ghi trên kiến trúc của ngôi đình những dấu tích của lịch sử, điều kiện tự nhiên, văn hóa, tín ngưỡng và con người của mỗi vùng miền trên khắp đất nước này. Dù ở phương diện nào đi nữa thì ba chức năng chính của ngôi đình đó là: tín ngưỡng, văn hóa và hành chính đã xuất hiện với tư cách là công trình cộng đồng của làng xã Việt Nam thời ấy. Có thể nói rằng: kiến trúc đình làng ở Hà Nội – Huế – Sài Gòn bao hàm những giá trị đặc trưng, tiêu biểu cho những điểm tương đồng và đa dạng, phong phú với những đặc điểm di biệt nhất định. Trong đó:

Những điểm tương đồng trong việc chọn vị trí đất xây dựng thuận theo yếu tố phong thủy. Mặt bằng tổng thể kiến trúc của đình làng đều được bố trí trên một tổng thể hài hòa với thiên nhiên và được định hình theo dạng kiểu chữ tượng hình (chữ Hán). Mặc dù ở đô thị, khu vực đều biểu hiện rõ nét nhiều yếu tố văn hóa, tín ngưỡng, khí hậu, kinh tế, kỹ thuật, vật liệu địa phương... và cả sự chuyển biến theo thời kỳ và không gian, nhưng ngôi đình vẫn là chủ thể chính, có tính đối xứng và liên kết các đơn nguyên kiến trúc khác theo một trục dọc từ ngoài vào trong. Quy mô kiến trúc đã được hình thành qua: số gian và chái, với hệ thống rường, cột và bộ vì kèo (vài kèo) tạo nên hệ kết cấu khung gỗ của ngôi đình.

Những điểm dị biệt là đình làng của Hà Nội có hình dáng khác hơn hẳn về yếu tố mái, các góc mái được dựng cong bay vút lên cao. Cũng như các cấu kiện kiến trúc có kích thước lớn vượt trội và đặc biệt nghệ thuật điêu khắc nổi phát triển hơn với các chủ đề cuộc sống, lao động sản xuất của người dân trên hệ kết cấu khung gỗ. Trong khi đó, các trang trí bên ngoài và trên mái của đình làng ở Huế và Sài Gòn sử dụng các hình tượng tứ linh và kiểu dáng kiến trúc đều mang dấu ấn của kiến trúc nhà Nguyễn thế kỷ XIX với lối chạm khắc trên xi măng cùng với các mảnh gốm, sành, sứ... tạo nên nhiều nét đặc trưng riêng biệt. Ngoài ra, đình ở Sài Gòn được kết hợp thêm các nét văn hóa, trang trí, phong cách của các dân tộc ngữ hệ Nam đảo, Hoa, Khmer, Chăm... đã tạo cho đình ở Sài Gòn có nhiều sắc thái hơn so với đình ở Huế và khác hơn hẳn so với đình ở Hà Nội.

Đến ngày hôm nay, đình làng ở Hà Nội – Huế – Sài Gòn chính là minh chứng cho sự tồn tại trong nhiều thế kỷ của loại công trình kiến trúc của làng xã Việt Nam. Thiết nghĩ, việc để công trình kiến trúc đình làng tiếp tục được tích lũy, bền vững cùng với thời gian mà không bị “đứt đoạn” là trách nhiệm của tất cả chúng ta trong việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị của đình làng để vai trò và chức năng của đình phù hợp trong thời đại ngày nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hayashi Hideaki, Phạm Đăng Nhật Thái (2018), *Kiến trúc Đình làng tỉnh Thừa Thiên Huế*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
2. Trần Lâm Biền (2017), *Đình làng Việt (Châu thổ Bắc Bộ)*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
3. Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kỵ (2014), *Đình Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

4. Nguyễn Lâm Thắng (2010), *Nghiên cứu hệ thống văn bia đình Thừa Thiên Huế*, Luận văn thạc sĩ Hán Nôm, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
5. Phạm Đăng Nhật Thái (2020), *Công cuộc trùng tu và xây dựng đình làng ở Kinh đô Huế thế kỷ XIX*, Hội thảo khoa học Kinh đô Huế thế kỷ XIX, Hội Khoa học Lịch sử Thừa Thiên Huế.
6. Hồ Tường, Nguyễn Hữu Thế (2005), *Đình ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
7. <https://www.tapchikientruc.com.vn/tac-gia-tac-pham/kien-truc-dinh-lang-viet.html>, lúc 13h23' ngày 27/5/2021.
8. Viện bảo tồn di tích (2018), *Kiến trúc Đình làng Việt - Qua tư liệu Viện Bảo tồn Di tích, tập 1*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

VILLAGE COMMUNAL HOUSE ARCHITECTURE IN HANOI – HUE – SAIGON: SIMILARITIES AND DIFFERENCES

Pham Dang Nhat Thai

University of Sciences, Hue University, 77 Nguyen Hue St., Hue, Vietnam

Abstract. Village communal houses have been public constructions in Vietnam for many centuries. Along with the nation, the village communal houses in the three Hanoi – Hue – Saigon (Ho Chi Minh City) urban areas also have numerous transitions and developments in the course of history. This article displays the similarities and differences of the village communal house architecture, creating the identity of this type of construction in each locality. The similarities are in the selection of land to build the constructions, conforming with the feng-shui factor, the shape following the Chinese hieroglyphics, and the wooden framework of the houses. The differences lie in the layout, the architectural elements, the form of the roof, the wooden structure, the art of decoration, etc. These features create the diversity and the uniqueness in the village communal houses in these cities.

Keywords: village communal house architecture, Hanoi – Hue – Saigon, similarities, differences